TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 – 11 – 2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ông Hứa Thanh L**; Sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 375 ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Ông L vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Bà Phạm Thị N**; Sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 375 ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Bà N vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hứa Thanh L trình bày:

Ông với bà Phạm Thị N tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống cho đến thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã.

Quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung là Hứa Thị N, sinh ngày 14/4/1998 và Hứa Thanh T, sinh ngày 26/11/2003. Hứa Thị N và Hứa

Thanh T đã thành niên, phát triển bình thường và có thể tự lo cho cuộc sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L trình bày không có.

Nay ông Hứa Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị N.

- Về con chung: Hai người con là Hứa Thị N, sinh ngày 14/4/1998 và Hứa Thanh T, sinh ngày 26/11/2003 đã thành niên, phát triển bình thường và có thể tự lo cho cuộc sống bản thân, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Hứa Thanh L về thời gian tổ chức lễ cưới, về thời gian chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn và về con chung. Nay bà cũng đồng ý ly hôn ông L, hai người con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có.

Do ông Hứa Thanh L và bà Phạm Thị N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định cho nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Các con chung của ông bà đã thành niên, có thể tự lo cho cuộc sống bản thân, Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, ông L và bà N thống nhất là không có. Trường hợp này, Tòa án đã không tiến hành hòa giải đoàn tụ như các vụ án ly hôn khác mà chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Hứa Thanh L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hứa Thanh L với bà Phạm Thị N. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Hứa Thanh L và bà Phạm Thị N đều vắng mặt nhưng ông bà đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông L và bà N.

[2]. Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N thấy rằng, ông bà chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Như vậy đối chiếu với các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa ông L với bà N không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông L được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông L và bà N có hai người con chung là Hứa Thị N, sinh ngày 14/4/1998 và Hứa Thanh T, sinh ngày 26/11/2003. Cả hai người đã thành niên, phát triển bình thường và có thể tự lo cho cuộc sống bản thân. Ông L, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông L phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn.

[6]. Xét thấy ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hứa Thanh L với bà Phạm Thị N.

- Về con chung: Ông Hứa Thanh L và bà Phạm Thị N có hai người con chung là Hứa Thị N, sinh ngày 14/4/1998 và Hứa Thanh T, sinh ngày 26/11/2003. Cả hai người đã thành niên, phát triển bình thường và có thể tự lo cho cuộc sống bản thân. Ông L, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hứa Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011349 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Ông Hứa Thanh L đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc T

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.